

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện chuyển đổi số xã/phường/thị trấn
trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2022

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Căn cứ Công văn số 1021/THH-DVCNTT ngày 31/7/2020 của Cục Tin học hóa về việc hướng dẫn mô hình thí điểm xây dựng xã thông minh;

Căn cứ Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 26/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XIX về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Căn cứ Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh Yên Bái về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Yên Bái năm 2022; Căn cứ kết quả triển khai thí điểm chuyển đổi số tại xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn.

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2022 gồm những nội dung sau:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Triển khai chuyển đổi số tại cấp xã/phường/thị trấn trên cơ sở kế thừa những kết quả tích cực đã đạt được từ mô hình chuyển đổi số của xã Tú Lệ, huyện Văn Chấn đồng thời bám sát vào các văn bản hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh.

- Có sự thống nhất, đồng thuận của các bên tham gia và sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Để đánh giá nhân rộng chuyển đổi số cấp xã/phường/thị trấn trên toàn tỉnh bảo đảm hiệu quả, bền vững phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng địa phương.

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu chung

Nhằm nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả, đổi mới trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành; tăng cường tương tác giữa người dân, doanh nghiệp với Chính quyền; hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ tiện ích nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo công tác an sinh xã hội, an toàn, an ninh trật tự địa phương nhằm phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số theo Nghị quyết số 51-NQ/TU ngày 22/7/2021 của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 và Chương trình hành động số 15/CTr-UBND Chương trình hành động số 15/CTr-UBND ngày 26/10/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 51-NQ/TU.

2.2 Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Xã/phường/thị trấn chuyển đổi số: Tổng số 17 mục tiêu

Trong đó:

- Hạ tầng số gồm: 04 mục tiêu
- Chính quyền số gồm: 05 mục tiêu
- Kinh tế số gồm: 02 mục tiêu
- Xã hội số gồm: 06 mục tiêu

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2.2.2. Xã/phường/thị trấn chuyển đổi số nâng cao:

Sau khi triển khai thành công tại xã/phường/thị trấn chuyển đổi số sẽ nâng một số mục tiêu cao hơn và bổ sung một số mục tiêu mới với tổng số 13 mục tiêu.

Trong đó: Có 05 mục tiêu phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên, 08 mục tiêu mới.

- Hạ tầng số gồm: 05 mục tiêu (03 mục tiêu phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên, 02 mục tiêu mới)
- Chính quyền số gồm: 04 mục tiêu (01 mục tiêu phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên, 03 mục tiêu mới).
- Kinh tế số: 01 mục tiêu phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên
- Xã hội gồm: 03 mục tiêu (03 mục tiêu mới).

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI

1. Thời gian triển khai:

Thời gian thực hiện chuyển đổi đổi số tại xã/phường từ tháng 6/2022 đến hết tháng 11/2022; Công bố đánh giá kết quả triển khai chuyển đổi đổi số xã/phường tháng 12/2022.

2. Phạm vi thực hiện

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lựa chọn tối thiểu 30% số xã/phường/thị trấn để triển khai bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu theo Kế hoạch này.

3. Triển khai các nền tảng, ứng dụng dùng chung

- Nền tảng số "Số tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái";
- Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành;
- Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh;
- Nền tảng hợp không giấy tờ;
- Học bạ điện tử, Sổ điểm điện tử, Sổ liên lạc điện tử;
- Nền tảng hợp trực tuyến;
- Nền tảng sàn thương mại điện tử;
- Nền tảng địa chỉ số;
- Nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt;
- Nền tảng hồ sơ sức khỏe điện tử;
- Nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

4. Kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí của Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã/phường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Triển khai theo hình thức xã hội hóa, huy động, lựa chọn các doanh nghiệp có thế mạnh về chuyển đổi số hỗ trợ triển khai.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp liên quan hướng dẫn đơn vị thực hiện triển khai các nội dung trong kế hoạch.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về chuyển đổi số; tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho chính quyền, Tổ chuyển đổi số cộng đồng và người dân.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện của đơn vị đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này. Định kỳ ngày 30 hằng tháng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này.

- Chủ trì sơ kết, đánh giá kết quả triển khai Kế hoạch, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và tham mưu nhân rộng chuyển đổi số cấp xã trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý, các nhiệm vụ, chỉ tiêu được phân công chủ trì triển khai, đôn đốc các nhiệm vụ theo Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 08/4/2022, các nội dung yêu cầu triển khai và chỉ tiêu tại kế hoạch này, có trách nhiệm chủ động phối hợp hướng dẫn, hỗ trợ các UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch theo lĩnh vực, chuyên ngành mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm lựa chọn tối thiểu 30% số xã/phường/thị trấn thực hiện chuyển đổi số trong năm 2022, xây dựng kế hoạch để triển khai thực hiện, gửi danh sách và kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày 10/6/2022.

- Chủ trì, phối hợp với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ lựa chọn, triển khai các ứng dụng nền tảng số theo mục tiêu Kế hoạch này.

- Bố trí nguồn lực cần thiết cho Ủy ban nhân dân cấp xã (kinh phí cài đặt phần mềm virus, máy tính, máy in, máy quét...) đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện chuyển đổi số theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã/phường/thị trấn được lựa chọn triển khai Kế hoạch chuyển đổi số, thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số các xã/phường/thị trấn, Trưởng ban là đồng chí Bí thư hoặc Chủ tịch xã/phường/thị trấn, hoàn thành trước ngày 15/6/2022.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện của các xã/phường/thị trấn, định kỳ ngày 27 hằng tháng gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đánh giá kết quả triển khai xây dựng chuyển đổi số cấp xã để xem xét, hoàn thiện và nhân rộng việc triển khai tại các xã trên địa bàn huyện.

4. Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn

- Đối với các xã/phường/thị trấn được lựa chọn triển khai kế hoạch chuyển đổi số thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số; ban hành Kế hoạch chi tiết, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí lãnh đạo UBND xã/phường/thị trấn, công chức, viên chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này, **hoàn thành trước ngày 15/6/2022**. Chủ động tìm hiểu về các nội dung chuyển đổi số gắn liền với xã/phường/thị trấn, tìm các nội dung chuyển đổi số phù hợp với tình hình, đặc thù kinh tế, xã hội của địa phương. Xác định cụ thể “chuyển đổi số xã/phường/thị trấn là một quá trình, không phải là một đích đến” từ đó thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, người dân về chuyển đổi số.

- Phối hợp với các chương trình của huyện, tỉnh để nâng cao kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức và lãnh đạo UBND xã/phường/thị trấn, chủ động thực hiện các nội dung trong mô hình thuộc trách nhiệm của chính quyền.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến đến từng nhà, từng người dân trong xã hiểu được ý nghĩa của việc triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã qua các kênh giao tiếp của UBND cấp xã (hệ thống loa, trang thông tin điện tử, nhóm zalo, v.v...).

- Chủ động huy động, thu hút, kêu gọi các nguồn lực xã hội cùng chung tay hỗ trợ, bảo trợ, các nội dung mới để xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp xã (doanh nghiệp công nghệ số, hội, hiệp hội công nghệ thông tin, các doanh nghiệp phát triển trong xã,...).

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin triển khai các nền tảng, ứng dụng trong hoạt động chỉ đạo điều hành, phát triển kinh tế xã - hội trên địa bàn xã/phường/thị trấn.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Đoàn Thanh niên và các tổ chức chính trị, xã hội, Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại xã/phường/thị trấn thực hiện vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền vận động các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện mô hình chuyển đổi số của xã/phường/thị trấn.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch trước ngày 25 hằng tháng. Kịp thời báo cáo những khó khăn, vướng mắc, những phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

5. Doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số trên địa bàn tỉnh

Tư vấn, hỗ trợ nguồn lực, lựa chọn triển khai các ứng dụng, nền tảng số phù hợp yêu cầu chuyển đổi số của địa phương.

6. Khuyến khích người dân

- Bồi dưỡng, nâng cao nhận thức về ý nghĩa của việc xây dựng mô hình chuyển đổi số cấp xã. Chung tay đóng góp xây dựng cùng chính quyền xã/phường/thị trấn để triển khai mô hình thành công.

- Chủ động tìm hiểu, tham gia sử dụng các dịch vụ mà chính quyền cung cấp trên môi trường số. Tìm hiểu, tích cực quảng bá sản phẩm, dịch vụ của mình cung cấp và thương hiệu chung của xã/phường/thị trấn trên môi trường mạng.

- Tham gia đóng góp ý kiến trong suốt quá trình xây dựng chuyển đổi số cấp xã/phường/thị trấn giúp chính quyền hoàn thiện mô hình tốt hơn.

Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời liên hệ với Sở Thông tin và Truyền thông (qua đồng chí Kim Mạnh Cường, Trưởng phòng công nghệ thông tin, Sở Thông tin và Truyền thông, số điện thoại: 0848.196.666; email: phongcntt.stttt@yenbai.gov.vn) để được hướng dẫn và phối hợp giải quyết; đối với những nội dung vượt thẩm quyền, Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tổng hợp, thống nhất phương án giải quyết với các sở, ngành, địa phương có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số xã/phường/thị trấn trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2022, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số căn cứ thực hiện./

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đ/c Ngô Hạnh Phúc, Phó Chủ tịch UBND tỉnh
- Các thành viên BCD, Tổ giúp việc BCD về CNTT tỉnh Yên Bái (Sở TT&TT gửi Kế hoạch);
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Báo Yên Bái; Đài PT&TH tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn (do UBND cấp huyện gửi Kế hoạch);
- Các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông, công nghệ số trên địa bàn tỉnh (Sở TT&TT gửi Kế hoạch);
- Lưu: VT, TH, VX.



CHỦ TỊCH

Trần Huy Tuấn

PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT CÁC MỤC TIÊU THỰC HIỆN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN CHUYỂN ĐỔI SỐ
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 01/6 /2022 của UBND tỉnh)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ	
				Xã CDS	Phường/ thị trấn CDS
I	HẠ TẦNG SỐ				
1	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet đường truyền băng rộng cáp quang hoặc 4G	Hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet đường truyền băng rộng cáp quang hoặc kết nối sử dụng mạng di động 4G	%	60	70
2	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh.	Hộ gia đình trên địa bàn xã/phường/thị trấn có máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh	%	91	93
3	Tỷ lệ các thôn, bản, tổ dân phố được phủ cập dịch vụ mạng di động 4G đảm bảo chất lượng tốt.	Tại trung tâm các thôn/bản/tổ dân phố có dịch vụ sóng di động 4G đảm bảo tốc độ tối thiểu download là 30Mbps upload là 9Mbps thông qua ứng dụng i-Speed; tại trang Speedtest.vn (của Trung tâm Internet Việt Nam Trục thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông)	%	100	100
4	Các hệ thống thông tin của chính quyền được phê duyệt cấp độ gắn với an toàn, an ninh thông tin mạng	Do Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các địa phương xây dựng hồ sơ phê duyệt cấp độ an toàn thông tin mạng Theo quy định tại nghị định 85/2016/NĐ-CP và thông tư số 03/2017/TT-BTTTT; TCVN 11930 trình sở TT&TT, các cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt cấp độ.	Hệ thống	100% hệ thống thông tin được phê duyệt	100% hệ thống thông tin được phê duyệt

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ	
				Xã CDS	Phường/ thị trấn CDS
II	CHÍNH QUYỀN SỐ				
1	Tỷ lệ văn bản của UBND xã/phường/thị trấn gửi các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử được ký số chuyên dùng trực tiếp bởi lãnh đạo xã/phường/thị trấn.	Văn bản đi của UBND cấp xã được ký số trực tiếp bởi lãnh đạo xã/phường/thị trấn trên máy tính, hoặc thiết bị di động.	%	100	100
2	Tỷ lệ các giao dịch tại xã/phường/thị trấn trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử được xác thực điện tử.	Người dân được cán bộ một cửa xác thực danh tính trên cổng dịch vụ công của tỉnh một lần duy nhất khi đến nộp hồ sơ lần đầu, cán bộ cấp xã tiếp nhận hồ sơ giải quyết theo quy trình, quy định. Các văn bản trả kết quả của cơ quan, đơn vị được ký số điện tử để xác thực theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP.	%	100	100
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ.	Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3,4/tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết trực tuyến và trực tiếp mức độ 3,4	%	45	50
4	Có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định.	Trang TTĐT có đầy đủ các chức năng và cung cấp thông tin theo quy định của Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2011. đồng thời cung cấp các sản phẩm đặc trưng, OCOP; thông tin địa điểm du lịch, thông tin nhà hàng, khách sạn tạo sự thu hút đối với người truy cập trang TTĐT	Trang thông tin	1	1

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ	
				Xã CDS	Phường/ thị trấn CDS
5	Tỷ lệ cuộc họp nội bộ của xã/phường/thị trấn kết hợp không in tài liệu giấy.	Tài liệu liên quan của cuộc họp được gửi bằng 2 hình thức: - Gửi trên nền tảng ứng dụng (như zalo, thư điện tử...), cho các thành viên trong cuộc họp có thiết bị thông minh kết nối Internet - In và phát tài liệu giấy cho những thành viên không có thiết bị thông minh.	%	50	50
III	KINH TẾ SỐ				
1	Tỷ lệ các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của địa phương được đưa lên sàn thương mại điện tử (vosso, postmart).	Tất cả các sản phẩm OCOP, sản phẩm chủ lực, đặc trưng của địa phương (theo Nghị quyết Số: 11/NQ-HĐND ngày 02/8/2018) được đưa lên sàn thương mại điện tử vô sò (của Bru chính Viettel), postmart (của Bru điện tỉnh).	%	100	100
2	Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp được lên sàn thương mại điện tử.	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp được đăng ký tài khoản (mua, bán) trên sàn thương mại điện tử.	%	10	15
IV	XÃ HỘI SỐ				
1	Tỷ lệ người dân được lập hồ sơ sức khỏe điện tử.	Cán bộ y tế xã thao tác cập nhật thông tin, tình hình sức khỏe của người dân trên phần mềm quản lý trạm y tế xã.	%	70	90
2	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục và đào tạo triển khai mô hình trường học chuyển đổi số.	Các trường học sử dụng phần mềm, ứng dụng nền tảng phục vụ quản lý, dạy và học theo Mô hình chuyển đổi số trường học do Sở TT&TT đang triển khai. cụ thể tại xã có trường mầm non và trường liên cấp 1,2 thì 1 trong 2 trường triển khai mô hình chuyển đổi số trường học.	%	50	50

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ	
				Xã CDS	Phường/ thị trấn CDS
3	Tỷ lệ người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.	Người dân trong độ tuổi lao động được cài đặt sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử như ví điện tử, thẻ ATM, Mobile money trên thiết bị di động để thanh toán các dịch vụ trả cước điện thoại, giao dịch mua bán hàng hóa, nạp, rút tiền qua điểm rút nạp của doanh nghiệp.	%	30	60
4	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được tập huấn, phổ biến kỹ năng số cơ bản.	- Kỹ năng số là: Khả năng tìm kiếm, đánh giá, sử dụng, chia sẻ và tạo nội dung bằng công nghệ thông tin và Internet - Thông qua hoạt động của Trung tâm Chuyển đổi số, Tổ chuyên đổi số cộng đồng và các doanh nghiệp viễn thông để tuyên truyền, tập huấn, phổ biến kỹ năng số cơ bản cho người dân trong độ tuổi lao động gồm: tư vấn khám sức khỏe từ xa, sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, kỹ năng bảo đảm an toàn an ninh mạng.	%	40	60
5	Tỷ lệ trạm y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt.	- Việc thanh toán không dùng tiền mặt là một trong các phương thức thanh toán, người dân có quyền lựa chọn. - Các cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo phải sẵn sàng tiếp nhận thanh toán không dùng tiền mặt để phục vụ người dân có nhu cầu sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt.	%	100	100
6	Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thanh toán tiền điện, tiền nước không dùng tiền mặt.	Hộ gia đình trên địa bàn xã/phường/thị trấn sử dụng ví điện tử, thẻ ATM, Mobile money để thực hiện các giao dịch toán tiền điện, tiền nước.	%	30	60

PHỤ LỤC 02
CHI TIẾT CÁC MỤC TIÊU THỰC HIỆN XÃ/PHƯỜNG/ THỊ TRẤN CHUYỂN ĐỔI SỐ NÂNG CAO
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ		GHI CHÚ
				Xã CDS nâng cao	phường/thị trấn CDS nâng cao	
I	HẠ TẦNG SỐ					
1	Tỷ lệ hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet đường truyền băng rộng cáp quang hoặc 4G	Hộ gia đình sử dụng dịch vụ Internet đường truyền băng rộng cáp quang hoặc kết nối sử dụng mạng di động 4G	%	80	90	Phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên
2	Tỷ lệ hộ gia đình có máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh.	Hộ gia đình trên địa bàn xã/phường/thị trấn có máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh	%	95	97	Phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên
3	Các hệ thống thông tin của chính quyền được phê duyệt cấp độ gắn với an toàn, an ninh thông tin mạng	Do Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn các địa phương xây dựng hồ sơ phê duyệt cấp độ an toàn thông tin mạng Theo quy định tại nghị định 85/2016/NĐ-CP, và thông tư số 03/2017/TT-BTTTT; TCVN 11930 trình sở TT&TT thẩm định và phê duyệt cấp độ.	Hệ thống	100% hệ thống thông tin được Triển khai đầy đủ các giải pháp an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ được phê duyệt	100% hệ thống thông tin được Triển khai đầy đủ các giải pháp an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ được phê duyệt	Phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ		GHI CHÚ
				Xã CDS nâng cao	phường/thị trấn CDS nâng cao	
4	Tỷ lệ cán bộ công chức xã được trang bị máy tính, có kết nối mạng LAN, được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền.	CBCC cấp xã được trang bị máy tính để bàn hoặc xách tay được kết nối Internet đảm bảo cấu hình và tốc độ, được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền để phục vụ công việc chuyên môn	%	100	100	Chỉ tiêu mới
5	Tỷ lệ cán bộ công chức xã có máy tính bảng, điện thoại thông minh kết nối Internet; hỗ trợ công tác chuyên môn.		%	100	100	Chỉ tiêu mới
II	CHÍNH QUYỀN SỐ					
1	Có hệ thống giám sát, điều hành thông minh	Gồm trang thiết bị hiển thị và phần mềm cập nhật các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo quy định hiện hành, phục vụ công tác quản lý, theo dõi chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND cấp xã.	Hệ thống	1	1	Chỉ tiêu mới
2	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ.	Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết trực tuyến mức độ 3,4/tổng số hồ sơ thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết trực tuyến và trực tiếp mức độ 3,4	%	65	70	Phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên
3	Tỷ lệ các cuộc họp do UBND xã/phường/thị trấn chủ trì có kết hợp bằng hình thức trực tuyến.	Các cuộc họp do UBND xã chủ trì được thực hiện trên nền tảng họp trực tuyến của doanh nghiệp VNPT, hoặc các nền tảng họp trực tuyến khác như (Google Meet, Net Meeting, mobimeeting...) - Xã tổ chức họp nội bộ xã đối với các trường hợp đi công tác vẫn có thể kết nối về đề dự họp. - Xã tổ chức họp nội bộ xã đối với các thôn, tổ dân phố (ví dụ: Phường Minh Tân đã tổ chức họp trực tuyến với các tổ dân phố định kỳ hàng	%	30	50	Chỉ tiêu mới

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ		GHI CHÚ
				Xã CĐS nâng cao	phường/thị trấn CĐS nâng cao	
		tháng qua nền tảng google meet) để tiết kiệm thời gian và chi phí hành chính).				
4	Chi bộ thực hiện sinh hoạt thường kỳ, chuyên đề trên nền tảng số “Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái”.	Triển khai nền tảng số “Sổ tay đảng viên điện tử tỉnh Yên Bái” tại chi bộ thôn, bản đáp ứng yêu cầu có nhà văn hóa số (tính bình quân hiện nay tại mỗi xã/phường/thị trấn có 10 thôn/tổ tương ứng có 10 chi bộ)	%	20	40	Chỉ tiêu mới
III	KINH TẾ SỐ					
1	Tỷ lệ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp được lên sàn thương mại điện tử .	Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất nông nghiệp được đăng ký tài khoản (mua, bán) trên sàn thương mại điện tử.	%	15	20	Phát triển từ xã chuyển đổi số nâng lên
IV	XÃ HỘI SỐ					
1	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa.	Người dân trong độ tuổi lao động được tiếp cận nền tảng tư vấn sức khỏe từ xa như VOVBacsi24, Telehealth...) - Sử dụng đội ngũ Tổ chuyển đổi số cộng đồng tại các địa phương để tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân được biết các nền tảng tư vấn sức khỏe, khám chữa bệnh từ xa qua mạng như VOV Bacsi24, Medici, Telehealth. Khi Tổ CĐS cộng	%	20	40	Chỉ tiêu mới

STT	TÊN CHỈ TIÊU	GIẢI THÍCH	ĐƠN VỊ TÍNH	CHỈ TIÊU CỤ THỂ		GHI CHÚ
				Xã CDS nâng cao	phường/thị trấn CDS nâng cao	
		đồng tư vấn tiếp cận, sử dụng các nền tảng này thì đồng thời hướng dẫn sử dụng được hình thức thanh toán trực tuyến để chi trả phí.				
2	Tỷ lệ thôn/bản/tổ dân phố triển khai mô hình nhà văn hóa số.	<p>Nhà văn hóa số là nhà văn hóa được trang bị: Thiết bị hiển thị (ti vi, máy chiếu), máy tính (nếu có), âm thanh (loa, mic), được kết nối Internet phục vụ người dân.</p> <p>- Đây là một mục tiêu mới đưa vào mục tiêu xã CDS nâng cao để các địa phương cân đối tổ chức thực hiện. Trên cơ sở các xã đã được công nhận nông thôn mới thì các trang thiết bị cơ bản đã có, các địa phương nghiên cứu bố trí đường truyền Internet.</p> <p>- Do CDS là cách làm mới, sáng tạo không có tiền lệ nên chỉ tiêu đưa ra là cần thiết phục vụ người dân, phục vụ cho Tổ CDS cộng đồng triển khai tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân, triển khai Sổ tay đảng viên điện tử,... tại địa phương nên các huyện nghiên cứu cân đối, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện ở mức độ CDS nâng cao.</p>	%	20	40	Chỉ tiêu mới
3	Tỷ lệ người dân từ đủ 14 tuổi trở lên có căn cước công dân, có điện thoại thông minh kết nối internet để xác thực định danh số qua app VNeID.	Người dân từ 14 tuổi trở lên có căn cước công dân, để có danh tính số cần có điện thoại thông minh kết nối Internet, sử dụng thẻ CCCD để xác thực qua App VNeID.	%	60	80	Chỉ tiêu mới